

Bản án số: 43/2019/HSPT
Ngày: 03-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Quang

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hiền

Bà Trương Thị Lệ Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số 130/2018/TLPT-HS, ngày 30 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo Hà Trọng T, do có kháng cáo của bị cáo Hà Trọng T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 23/2018/HSST ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

*** Bị cáo bị kháng cáo:**

Hà Trọng T, sinh ngày: 12/01/1959; sinh trú quán: Thôn 14, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: Lớp 7/10; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông: Hà Văn Y, sinh năm: 1926 (Đã mất) và bà: Phan Thị N, sinh năm: 1930 (Đã mất); có vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1960 và 05 con; tiền án, tiền sự: Không. Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Hà Trọng T:**

- Ông Lê H và ông Nguyễn Đình G – Luật sư Văn phòng luật sư Lê H thuộc đoàn Luật sư tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

- Ông Trần Đình L, Luật sư - Cộng tác viên trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

*** Bị cáo không kháng cáo:**

1. Trần Nam P, sinh ngày: 04/9/1957; sinh trú quán: Thôn 10, xã , huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

2. Dương Văn Mi, sinh ngày: 04/5/1958; sinh quán: xã Thạch L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, trú quán: Thôn 2, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

3. Nguyễn Văn T, sinh ngày: 23/02/1958; sinh trú quán: Thôn 1, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

4. Nguyễn Văn N, sinh ngày: 20/6/1956; sinh trú quán: Thôn 3, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị M, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ dân phố 15, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

2. Ông Trần Vĩnh K, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ dân phố 14, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

3. Ông Trần Văn T, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn 1, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

4. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn 6, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

5. Ông Lê Ngọc B, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn 4, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

6. Anh Nguyễn Quang Q, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn 3, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

7. Ông Trần Văn T, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn 8, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

8. Anh Đặng Quốc V, sinh năm 1946; địa chỉ: Thôn 7, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

9. Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm: 1948; địa chỉ: Thôn 1, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

10. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1957; địa chỉ: Thôn 1, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

11. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn 8, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

12. Ông Lê Minh C, sinh năm: 1958; địa chỉ: Thôn 12, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

13. Ông Trần Thái S, sinh năm 1958; địa chỉ: Sô 11, ngõ 17, đường H, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

14. Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1976; địa chỉ: Phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

15. Ông Lê Chánh T, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

16. Anh Phan Quỳnh L, sinh năm 1981; địa chỉ: Sô nhà 6D, ngách 1, ngõ 64 đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

17. Anh Hoàng Nhật S, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 15, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

18. Anh Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

19. Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 8, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

20. Anh Hoàng Tất T, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn T, xã Cẩm Hà, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

21. Bà Trần Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ 15, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Trọng T, ông Hà Văn V (đã mất) và Nguyễn Văn N là chiến sỹ quân tình nguyện quốc tế tại Lào, Trần Nam P, Dương Văn M, Nguyễn Văn T là chiến sỹ quân tình nguyện quốc tế tại Campuchia vào những năm 1979 đến 1984 và không thuộc diện được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Thủ Tướng Chính phủ và Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg, ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg, ngày 14 tháng 10 năm 2013, về việc trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Campuchia.

Vào khoảng tháng 8 năm 2015, Hà Trọng T nghe thông tin tuyên truyền trên đài truyền thanh của UBND xã về việc chi trả chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Campuchia. Mặc dù biết rõ mình, Nguyễn Văn N, Dương Văn M, Nguyễn Văn T, Trần Nam P và anh trai mình là ông Hà Văn V (đã mất) không thuộc diện được hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Campuchia nhưng trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2015 cho đến tháng 5 năm 2016, Hà Trọng T đã tự làm hồ sơ của mình, đồng thời gặp và thỏa thuận thống nhất với Nguyễn Văn N, Dương Văn M, Nguyễn Văn T làm hồ sơ để nhận tiền chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử đi làm chuyên gia tại Lào, Campuchia, đồng thời thỏa thuận với nhau nếu làm hồ sơ nhận được tiền thì Hà Trọng T được hưởng 50% trên tổng số tiền mà mỗi người được nhận. Ngoài ra Hà Trọng T còn làm giúp hồ sơ cho Trần Nam P và tự làm hồ sơ anh trai của mình đã mất là ông Hà Văn V để nhận tiền chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Campuchia. Theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg, ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính Phủ thì hồ sơ hưởng chế độ phải có các giấy tờ sau: Tờ khai của người hưởng trợ cấp; Danh sách đề nghị người hưởng trợ cấp một lần; Quyết định cử đi làm chuyên gia; Quyết định điều về nước; Quyết định nghỉ hưu hoặc thôi việc do mất sức. Nếu không có các quyết định trên thì phải có giấy xác nhận thời gian làm chuyên gia tại Lào, Campuchia của cơ quan có thẩm quyền cấp.

Vào tháng 10 năm 2015, Hà Trọng T đi khám bệnh tại Bệnh viện huyện C thì gặp Trần Nam P (bạn đi bộ đội cùng với T) nên Hà Trọng T đã thống nhất làm hồ

sơ cho Trần Nam P để nhận tiền trợ cấp. Hà Trọng T đã nói với Trần Nam P tìm các mẫu giấy tờ cũ cá nhân của mình đưa cho Hà Trọng T nên Trần Nam P đã lấy các mẫu giấy cũ có con dấu của Ty y tế Nghệ Tĩnh vào những năm 1980 tại hồ sơ của mình và chị gái đưa cho Hà Trọng T để nhờ Hà Trọng T làm hồ sơ cho mình.

Sau khi lấy các mẫu giấy cũ có con dấu của Ty y tế Nghệ Tĩnh từ Trần Nam P, Hà Trọng T đã lấy 02 mẫu giấy có con dấu rồi sử dụng lưỡi dao lam cào hết chữ trên mặt giấy, kết hợp bằng cách phơi sương, sau đó dùng bút mực máy viết lại các thông tin cá nhân của mình cho phù hợp để làm hồ sơ nhận tiền chế độ. Hà Trọng T đã làm giả Quyết định tiếp nhận số 08/TYT-TC/QĐ, ngày 06/01/1980 của trưởng Ty y tế Nghệ Tĩnh về việc tiếp nhận Hà Trọng T từ trường quân chính quân đoàn 2 về nhận công tác tại đoàn chuyên gia Lào và làm giả Quyết định số 236/QĐ, ngày 20/12/1988 của Viện trưởng Bệnh viện Câ, tỉnh Nghệ Tĩnh cho Hà Trọng T thôi việc. Sau khi làm giả được các quyết định trên, Hà Trọng T đi phô tô công chứng tại Văn phòng công chứng C rồi dùng bộ hồ sơ công chứng đi xin xác nhận tại Sở y tế Hà Tĩnh, nộp cho bộ phận chính sách của xã C, huyện C để nhận tiền, còn các mẫu Quyết định gốc Hà Trọng T giữ lại để làm hồ sơ cho người khác.

Sau khi làm xong hồ sơ của mình, cũng với phương pháp tương tự, Hà Trọng T đã làm giả Quyết định số 12/TYT-TC/QĐ, ngày 10/6/1979, của Trưởng Ty y tế Nghệ Tĩnh, về việc tiếp nhận Trần Nam P từ Trường trung cấp y tế Nghệ Tĩnh về nhận công tác tại đoàn chuyên gia Campuchia và làm giả Quyết định số 124/TYT-TC/QĐ, 20/9/1989 của Trưởng Ty y tế Nghệ Tĩnh, điều chuyển Trần Nam P từ đoàn chuyên gia Campuchia đến nhận công tác tại Bệnh viện huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Nghệ Tĩnh. Sau khi làm giả được hai Quyết định nói trên Hà Trọng T đưa cho Trần Nam P để P làm danh sách đề nghị được hưởng chế độ và đi xin xác nhận tại Sở y tế Hà Tĩnh, sau đó nộp hồ sơ cho bộ phận chính sách của xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh để nhận tiền.

Ngoài ra cũng với phương pháp tương tự và bằng cách đánh máy các mẫu Quyết định theo mẫu in ra khổ giấy A4 rồi dùng bút mực máy viết đầy đủ các thông tin cá nhân vào mẫu Quyết định, sau đó đưa những giấy tờ này vào nhà bếp để khói bám vào giấy tạo thành màu vàng ô như loại giấy tờ đã được sử dụng lâu năm, sau đó tìm con dấu và chữ ký có trong giấy tờ đi khám bệnh, các thông báo của UBND huyện C, Sở y tế Hà Tĩnh, Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Tĩnh... có trong hồ sơ cá nhân của T rồi cắt phần giấy có cả con dấu đỏ và chữ ký, sau đó dùng băng dính trong suốt loại lớn dính vào bóc ra thì con dấu sẽ bám vào băng dính, phần giấy nào còn dính vào băng dính thì T dùng nước tẩy hết phần giấy đó đến khi chỉ còn con dấu đỏ và chữ ký dính trên băng dính, Hà Trọng T lấy dán phần con dấu và chữ ký vào mẫu giấy tờ cho phù hợp.

Với phương pháp như đã nêu trên, Hà Trọng T đã làm giả Quyết định số 216/QĐ, ngày 12/9/1979 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nghệ Tĩnh, về việc điều động Dương Văn M từ Trường Quân chính quân đoàn 2, về Ty y tế Nghệ Tĩnh nhận công tác tại đoàn chuyên gia Campuchia và làm giả Quyết định số 180/QĐ-TC, ngày 10/10/1979 của Trường trung học y tế Nghệ Tĩnh, về việc điều động ông Dương Văn M từ Trường trung học y tế Nghệ Tĩnh đến nhận công tác tại đoàn chuyên gia Campuchia và Quyết định số 266/QĐ, ngày 21/10/1990 của Viện

trưởng Bệnh viện đa khoa tỉnh Nghệ Tĩnh cho Dương Văn M thôi việc. Làm giả Quyết định số 160/TYT-TC/QĐ, ngày 28/6/1982 của Trường ty y tế Nghệ Tĩnh về việc tiếp nhận Nguyễn Văn T từ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nghệ Tĩnh đến nhận công tác tại Sở y tế Nghệ Tĩnh; Làm giả Quyết định số 16/TYT-TC/QĐ, ngày 20/10/1989 của Trường ty y tế Nghệ Tĩnh về việc điều chuyển Nguyễn Văn T từ đoàn chuyên gia Campuchia về nhận công tác tại Bệnh viện huyện C và làm giả Quyết định buộc thôi việc ngày 02/8/1990 của Viện trưởng Bệnh viện C đối với Nguyễn Văn T. Làm giả Quyết định số 66/TYT-TC/QĐ, ngày 12/10/1979 của Trường ty y tế Nghệ Tĩnh về việc điều chuyển Nguyễn Văn N từ Trường kỹ thuật thiết bị y tế đến nhận công tác tại đoàn chuyên gia Lào và làm giả Quyết định buộc thôi việc số 221/QĐ, ngày 22/12/1989 của Giám đốc sở y tế Nghệ Tĩnh. Sau khi làm giả xong các Quyết định nói trên, Hà Trọng T đưa cho Dương Văn M, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn N ký vào danh sách đề nghị được hưởng chế độ rồi đưa lại cho Hà Trọng T. Hà Trọng T đi phô tô công chứng tại Văn phòng công chứng C rồi dùng bộ hồ sơ công chứng đi xin xác nhận tại Sở y tế Hà Tĩnh sau đó đưa hồ sơ đã hoàn thiện cho Dương Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N nộp cho bộ phận chính sách của xã để nhận tiền.

Đến ngày 15/4/2016, Hà Trọng T, Trần Nam P, Dương Văn M, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn N nhận được quyết định số 941/QĐ-UB, ngày 15/4/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc chi trả chế độ trợ cấp một lần đối với người đã được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Campuchia. Trong đó: Hà Trọng T nhận được số tiền 27.000.000đồng (*hai mươi bảy triệu đồng*), tương đương với thời gian làm chuyên gia 09 năm tại Lào; Trần Nam P nhận được số tiền 31.500.000đồng (*Ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng*), tương đương với thời gian làm chuyên gia 10 năm 05 tháng tại Campuchia; Dương Văn M nhận được số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) tương đương với thời gian làm chuyên gia 10 năm tại Campuchia; Nguyễn Văn T nhận được số tiền 28.500.000 đồng (*Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*), tương đương với thời gian làm chuyên gia 09 năm, 05 tháng tại Campuchia và Nguyễn Văn N nhận được số tiền 28.500.000đồng (*Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*), tương đương với thời gian làm chuyên gia 09 năm, 05 tháng tại Lào. Sau khi nhận được tiền chế độ, Dương Văn M, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn N đưa cho Hà Trọng T, tiền chi phí nhờ Tài làm hồ sơ theo thỏa thuận với nhau từ trước với tổng số tiền 42.000.000đồng (*Bốn mươi hai triệu đồng*), trong đó mỗi người đưa 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*).

Sau khi Hà Trọng T làm xong hồ sơ của của mình và Trần Nam P, Dương Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N thì Hà Trọng Tài còn đến nhà bà Trần Thị M, sinh năm 1958, trú tại tổ dân phố 15, thị trấn huyện C (vợ ông Hà Văn V, anh trai của T đã mất) nói với bà M, lấy Quyết định hưởng chế độ hưu trí hàng tháng của ông Hà Văn V để làm hồ sơ nhận tiền chế độ trợ cấp một lần đối với người đã được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, sau đó T nhờ người đánh máy các thông tin của ông Hà Văn V cũng như bảng kê khai quá trình đóng bảo hiểm rồi in vào mặt sau của Quyết định về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng của ông Hà Văn V rồi đi xin xác nhận tại Sở y tế Hà Tĩnh và nộp cho bộ phận chính sách của UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh để nhận chế độ. Đến ngày 24/6/2016, bà Trần Thị M nhận được quyết định số 1745/QĐ-UBND, ngày 24/6/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh, về việc chi trả chế độ trợ cấp một lần đối với người đã được

cử làm chuyên gia sang giúp Lào cho ông Hà Văn V với số tiền 31.500.000 đồng (*Ba mươi một triệu, năm trăm ngàn đồng*), tương đương với thời gian làm chuyên gia 10 năm 05 tháng tại Lào.

Đồng thời cũng với hành vi tương tự như đã làm hồ sơ nói trên, Hà Trọng T còn làm giả hồ sơ để nhận tiền trợ cấp cho ông Trần Văn T, sinh năm 1957; ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962; ông Lê Ngọc B, sinh năm 1959; ông Nguyễn Quang Q, sinh năm 1960; ông Trần Văn T, sinh năm 1957; ông Đặng Quốc V, sinh năm 1946; ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1948; Nguyễn Văn C, sinh năm 1957; ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962; ông Trần Vĩnh K, sinh năm 1958 và ông Lê Minh C, sinh năm 1958, đều trú tại huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Những người này sau khi Sở lao động thương binh xã hội tỉnh Hà Tĩnh nhận hồ sơ kiểm tra để chi trả tiền thì phát hiện nét chữ trong các hồ sơ đều do một người viết ra, nên tạm dừng việc chi trả tiền.

Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh đã thu giữ 27 Quyết định và giấy tờ liên quan, trong đó có 19 Quyết định gốc (Quyết định có dấu đỏ) và 08 Quyết định phô tô có công chứng để tiến hành trưng cầu giám định cụ thể: Quyết định tiếp nhận số 08/TYT- TC/QĐ, ngày 06/10/1980 của trưởng ty y tế Nghệ Tĩnh (bản photocopy có công chứng), quyết định thôi việc số 236/QĐ, ngày 20/12/1988 của Viện trưởng Bệnh viện C (bản photocopy công chứng) mang tên Hà Trọng ; Quyết định phân bổ số 12/TYT-TC/QĐ, ngày 10/6/1979 của Trưởng Ty y tế Nghệ Tĩnh, Quyết định điều chuyển số 124/TYT-TC/QĐ, ngày 20/9/1989 của Trưởng Ty y tế Nghệ Tĩnh, mang tên Trần Nam P; quyết định chuyển ngành số 216/QĐ, ngày 12/9/1979 của thủ trưởng Bộ chỉ huy quân sự Nghệ Tĩnh, quyết định thôi việc số 266/QĐ, ngày 21/10/1990 của Giám đốc bệnh viện đa khoa tỉnh Nghệ Tĩnh, Quyết định số 180/QĐ-TC, ngày 10/10/1979 của Hiệu trưởng trường trung học y tế Nghệ Tĩnh, mang tên Dương Văn M; quyết định số 66/TYT-TC/QĐ, ngày 12/10/1979 của Trưởng Ty y tế Nghệ Tĩnh (bản photocopy công chứng), Quyết định số 221/QĐ, ngày 22/12/1989 của Giám đốc sở y tế Nghệ Tĩnh (bản photocopy công chứng), mang tên Nguyễn Văn N; Quyết định số 16/TYT-TC/QĐ, ngày 20/10/1989 của Trưởng Ty y tế Nghệ Tĩnh (bản photocopy công chứng), Quyết định thôi việc của Viện trưởng Bệnh viện C ngày 02/8/1990 (bản photocopy công chứng), Quyết định số 160/TYT-TC/QĐ, ngày 28/6/1982 của trưởng ty y tế Nghệ Tĩnh, mang tên Nguyễn Văn T; Quyết định số 54/TCCB-QĐ, ngày 10/4/1979 của Ban tổ chức chính quyền tỉnh Nghệ Tĩnh Quyết định số 256/TCCB-QĐ, ngày 20/9/1983 của Ban tổ chức chính quyền tỉnh Nghệ Tĩnh và phiếu cá nhân ngày 10/10/1983, mang tên Trần Văn T; Quyết định điều động số 278 TYT-TC/QĐ, ngày 10/12/1979 của Trưởng ty y tế Nghệ Tĩnh (bản công chứng), Phiếu cá nhân số 216 của Sư đoàn 342, Quyết định số 07/HĐK của tư lệnh quân khu IV (viết vào mặt sau), mang tên Trần Văn T; Quyết định tiếp nhận số 76/TYT-TC/QĐ, ngày 20/11/1989 của Trưởng ty y tế Nghệ Tĩnh (bản photocopy công chứng), Quyết định thôi việc số 26/QĐ, ngày 22/12/1989 của Bệnh viện trưởng Bệnh viện C, mang tên Nguyễn Văn H; Quyết định thôi việc số 214/QĐ, ngày 20/12/1989 của Giám đốc bệnh viện Hà Tĩnh, mang tên Nguyễn Văn C; Quyết định số 316/QĐ, ngày 20/12/1989 của Bệnh viện trưởng Bệnh viện C, tỉnh Hà Tĩnh, mang tên Lê Ngọc B; Quyết định số 286/QĐ, ngày 02/6/1990 của Hiệu trưởng trường Công nhân kỹ thuật số I, mang tên Nguyễn Văn T; Quyết định

số 216/QĐ, của Trưởng ban tổ chức chính quyền tỉnh Nghệ Tĩnh mang tên Đặng Quốc V; Quyết định số 268/QĐ, ngày 20/12/1985 của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, mang tên Nguyễn Hữu D; Quyết định số 216/LĐ-QĐ, ngày 10/10/1979 của Chủ nhiệm ủy ban nông nghiệp Nghệ Tĩnh, Quyết định số 231/QĐ, ngày 20/12/1989 của Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Tĩnh, mang tên Nguyễn Quang Q. Tại bản kết luận giám định số 387/PC54, ngày 07/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh kết luận: Chữ viết trên các tài liệu giám định thu giữ nói trên so với chữ viết của Hà Trọng T là do cùng một người viết ra.

Tổng tài sản Hà Trọng T, Trần Nam P, Dương Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N chiếm đoạt của Nhà nước là 177.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi bảy triệu đồng*).

Tại Bản án sơ thẩm số 23/2018/HSST ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh:

- Căn cứ điểm e, khoản 2, điều 139; điểm g, khoản 1, điều 48, điểm b, p, khoản 1, khoản 2, điều 46, điều 20, điều 53, bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, điều 2 Nghị Quyết 41 của Quốc Hội; khoản 3 điều 7; điểm x khoản 1, điều 51, Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tuyên bố bị cáo Hà Trọng T, phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xử phạt bị cáo Hà Trọng T 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Căn cứ điểm b, khoản 2 điều 267 điểm b, khoản 1, 2 điều 46, điều 47, BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, điều 2 Nghị Quyết 41; khoản 3 điều 7; điểm x khoản 1, điều 51, Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tuyên bố bị cáo Hà Trọng T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, xử phạt bị cáo Hà Trọng T 12 (mười hai) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Hà Trọng T phải chấp hành hình phạt chung là 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành hành án.

- Căn cứ khoản 1, điều 139, điểm h, b, p khoản 1,2 điều 46, điều 20, 53, điều 60, BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điều 2 Nghị Quyết 41; khoản 3 điều 7; điểm x khoản 1 điều 51, Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tuyên bố các bị cáo Trần Nam P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”:

Phạt bị cáo Trần Nam P 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng.

Phạt bị cáo Nguyễn Văn T 7 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng.

Phạt bị cáo Nguyễn Văn N 7 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng.

- Căn cứ khoản 1, điều 139, điểm h, b, p khoản 1,2 điều 46, điều 20, 53, điều 60, BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; tuyên bố các bị cáo Dương Văn M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: Phạt bị cáo Dương Văn M 7 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 26/9/2018, bị cáo Hà Trọng T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 23/2018/HSST ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án với các lý do:

- Bản án sơ thẩm xét xử chưa đúng với bản chất vụ việc, chưa đánh giá đúng vai trò các bị cáo trong vụ án.

- Bị cáo Trần Nam P là người chủ mưu cấu kết với cán bộ Sở Y tế làm giả sổ xác nhận thời gian công tác tại Lào, Campuchia và cung cấp nhiều loại giấy tờ cũ từ những năm 1980 để bị cáo T tẩy xóa nhưng Tòa án sơ thẩm chưa xem xét hành vi của bị cáo Trần Nam P trong việc làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức từ đó quy kết trách nhiệm và xử phạt bị cáo T quá nặng.

- Bản án sơ thẩm chưa xem xét hành vi của ông Trần Vĩnh K trong việc làm giả 03 hồ sơ ông Lê Minh C, Hà Văn V và Trần Vĩnh K mà quy trách nhiệm toàn bộ cho bị cáo T là không đúng.

- Để hoàn thiện hồ sơ và nhận được tiền phải có giấy xác nhận của Sở Y tế tỉnh Hà Tĩnh về thời gian làm chuyên gia tại Lào, Campuchia nhưng Tòa án sơ thẩm chưa xem xét việc ông Trần Thái S – Phó Giám đốc Sở Y tế tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy xác nhận là đúng hay sai.

- Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, là thương binh hạng $\frac{3}{4}$, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng Nhì, hạng Ba về hoàn thành nhiệm vụ quốc tế tại các nước Lào và Campuchia. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trả lại số tiền đã nhận nên thiệt hại xảy ra không đáng kể; hoàn cảnh gia đình bị cáo đặc biệt khó khăn (sau khi tham gia chiến trường về do chấn thương sọ não, vết thương cũ tái phát nên bị bệnh động kinh, ngoài ra còn bị bệnh tim mạch, huyết áp cao phải điều trị thường xuyên).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hà Trọng T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và bổ sung nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt hành vi phạm tội “Làm giả tài liệu cơ quan tổ chức” đối với Trần Nam P, Trần Nam P là người cung cấp các tài liệu để Hà Trọng T làm giả, nên phải chịu trách nhiệm cùng với Hà Trọng T trong việc làm giả hồ sơ của các đối tượng khác, do đó cấp sơ thẩm xác định Hà Trọng T là người có vai trò đứng đầu vụ án là không phù hợp mà người đứng đầu phải là Trần Nam Phương; cấp sơ thẩm chưa xem xét đến vai trò, trách nhiệm của ông Trần Thái S trong việc ký xác nhận về thời gian làm chuyên gia tại Lào, Campuchia cho các đối tượng là thiếu sót. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để cấp sơ thẩm điều tra xét xử lại vụ án. Trường hợp không đủ căn cứ hủy án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hà Trọng T giữ nguyên bản án sơ thẩm số 22/2018/HSST ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Hà Trọng T liên quan đến hành vi của Trần Nam P, Trần Thái S và Trần Vĩnh K, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1.1] Về nội dung Hà Trọng Tài cho rằng Trần Nam P là người bàn bạc, chỉ đạo, hướng dẫn Tài làm hồ sơ cho Hà Trọng T, Trần Nam P, Dương Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N và những đối tượng khác; đồng thời chỉ đạo T nhận tiền từ Dương Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N và cùng T hưởng lợi từ số tiền nhận của những người nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra, xét xử tại cấp sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm Dương Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N đều khai chính Hà Trọng T là người trực tiếp gặp gỡ, trao đổi, thoả thuận về việc làm hồ sơ, chi phí làm hồ sơ và là người nhận tiền từ việc làm hồ sơ hưởng chế độ chuyên gia công tác tại Lào, Campuchia cho M, N và T. Tại phiên toà phúc thẩm Trần Nam P không thừa nhận việc P có bàn bạc, chỉ đạo, hướng dẫn Hà Trọng T làm giả các tài liệu để các đối tượng làm hồ sơ hưởng chế độ chuyên gia Lào, Campuchia. Mặt khác quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm và xét xử phúc thẩm, bị cáo Hà Trọng T cũng không xuất trình được chứng cứ, tài liệu để chứng minh Trần Nam P có hành vi bàn bạc, hướng dẫn, chỉ đạo Hà Trọng T làm giả tài liệu và nhận tiền từ những người làm hồ sơ hưởng chế độ chuyên gia công tác tại Lào, Campuchia. Do đó, không có căn cứ để xác định Trần Nam P có hành vi bàn bạc, chỉ đạo, hướng dẫn Hà Trọng T làm hồ sơ và chỉ đạo Hà Trọng T nhận tiền từ Dương Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N và cùng T hưởng lợi từ số tiền nhận của những người nêu trên.

Quá trình điều tra, xét xử chứng minh Trần Nam P có hành vi cung cấp một số mẫu giấy tờ cũ có con dấu của Ty y tế Nghệ Tĩnh cho Hà Trọng T và đánh máy giấy xác nhận thời gian làm chuyên gia tại Lào, Campuchia cho bản thân và các bị cáo khác, đồng thời cùng những người này lên gặp ông Trần Thái S - Phó giám đốc Sở y tế Hà Tĩnh ký xác nhận. Tuy nhiên, mục đích cung cấp các mẫu giấy tờ của Trần Nam P là nhờ Hà Trọng T làm hồ sơ chế độ chuyên gia công tác tại Campuchia cho bản thân để được hưởng chế độ nhằm chiếm đoạt tài sản; việc xác nhận thời gian làm chuyên gia tại Lào, Campuchia thuộc trách nhiệm của cơ quan và người có thẩm quyền, Trần Nam P không có thẩm quyền quyết định. Hành vi của Trần Nam P đã cấu thành và bị cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Trong vụ án này Trần Nam P không tham gia cùng Hà Trọng T làm giả các tài liệu liên quan đến hồ sơ của những người khác, do đó hành vi của bị cáo không đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

[1.2] Đối với hành vi của ông Trần Thái S - Nguyên phó giám đốc sở y tế Hà Tĩnh: Quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm xác định ông Trần Thái S là người ký giấy xác nhận thời gian chuyên gia tại Lào, Campuchia trong các hồ sơ hưởng chế độ trợ cấp có liên quan đến vụ án; việc làm này của ông S là không đúng quy trình theo quy định. Tuy nhiên xét thấy, khi ông S kiểm tra các hồ sơ này thì hồ sơ có đầy đủ các tài liệu, có các quyết định có chữ ký đóng dấu của cơ quan chủ quản, một số tài liệu được công chứng nên ông S đã tin tưởng, không nghi ngờ tài liệu làm giả. Quá trình điều tra xác định được do hồ sơ

xin xác nhận của công dân thời gian đã từ rất lâu nên chỉ lưu tại hồ sơ cán bộ cơ quan quản lý trực tiếp cán bộ chứ không lưu tại Sở y tế Hà Tĩnh. Khi tiếp nhận sở y tế căn cứ vào toàn bộ hồ sơ của công dân trình lên, trong đó các quyết định có chữ ký đóng dấu xác nhận của cơ quan chủ quản, các tài liệu được công chứng để xác nhận. Mặt khác do P là cán bộ cấp dưới, trong ngành với ông S có quen biết nên nể nang, việc ký các giấy xác nhận không vì động cơ vụ lợi. Vì vậy, không đủ căn cứ để xử lý về trách nhiệm hình sự đối với ông Trần Thái S.

[1.3] Đối với ông Trần Vĩnh K có hành vi cung cấp thông tin của bản thân cho Hà Trọng T làm hồ sơ để nhằm chiếm đoạt tài sản của nhà nước và hành vi đưa Hà Trọng T ra Sở y tế Hà Tĩnh và một số cơ quan để T xin giấy xác nhận cho Trần Vĩnh K và một số người khác. Tuy nhiên, xét thấy bản thân Trần Vĩnh K và các đối tượng K đưa Tài đi xin giấy xác nhận đều chưa nhận được tiền, nên không đủ căn cứ xử lý hình sự Trần Vĩnh K.

[1.4] Đối với những người có trách nhiệm công chứng, chứng thực các tài liệu; tiếp nhận hồ sơ của các đối tượng liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy những người này khi thực hiện nhiệm vụ đã tuân thủ quy trình theo quy định, vì vậy không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự.

[2] Xét thấy, lời khai của bị cáo Hà Trọng T tại phiên tòa phúc thẩm cơ bản phù hợp với các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với bản án sơ thẩm. Do đó có đủ cơ sở để khẳng định: Thực hiện Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc chi trả chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Campuchia. Đối tượng được hưởng chế độ theo quy định tại Quyết định này là những người làm việc trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Lực lượng vũ trang, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổ chức chính trị, xã hội hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Campuchia theo yêu cầu của nước bạn và công nhân viên đi làm nhiệm vụ phục vụ chuyên gia trên đất bạn, trừ cán bộ, chiến sỹ quân tình nguyện Việt Nam làm nhiệm vụ quốc tế ở Lào, Campuchia. Biết rõ mình và mọi người không thuộc diện được hưởng chế độ theo Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg, của Thủ Tướng Chính Phủ, nhưng sau khi tìm hiểu và biết được cách thức làm hồ sơ để nhận được tiền thì vào cuối năm 2015, Hà Trọng T gặp Trần Nam P thống nhất làm hồ sơ cho Trần Nam P để nhận tiền trợ cấp và Trần Nam P đã đưa cho Hà Trọng T các mẫu giấy tờ cũ có con dấu, của Ty y tế Nghệ Tĩnh vào những năm 1980 có trong hồ sơ cá nhân của Trần Nam P để Hà Trọng T làm hồ sơ cho Trần Nam P. Sau khi lấy các mẫu giấy tờ cũ từ Trần Nam P, Hà Trọng T đã dùng lưỡi dao lam cào hết chữ trên mặt giấy, kết hợp bằng cách phơi sương, sau đó dùng bút mực máy viết các thông tin cá nhân vào, còn các mẫu Quyết định khác còn thiếu thì Hà Trọng T đánh máy theo mẫu in ra khổ giấy A4 rồi dùng bút mực máy viết đầy đủ các thông tin cá nhân vào mẫu Quyết định, sau đó đưa những giấy tờ này vào nhà bếp, để khói bám vào giấy tạo thành màu vàng ố như loại giấy tờ đã được sử dụng lâu năm rồi tìm con dấu và chữ ký có trong các giấy tờ đi khám bệnh, các thông báo của UBND huyện C, Sở y tế Hà Tĩnh, Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Tĩnh... có trong hồ sơ cá nhân, đưa ra cắt phần giấy có cả con dấu đỏ và chữ ký, sau đó dùng băng dính trong suốt loại lớn, dán vào để lấy con dấu và chữ ký rồi bóc ra dán vào các mẫu giấy tờ cho phù hợp để làm hồ sơ nhận tiền.

Với phương pháp như đã nêu trên, trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2015 cho đến tháng 5 năm 2016, Hà Trọng T đã làm giả 12 Quyết định của cơ quan tổ chức nhà nước cho bản thân mình và Trần Nam P, Dương Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N và ông Hà Văn V (đã mất) để đưa hồ sơ đi xin xác nhận tại Sở y tế Hà Tĩnh, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn sau đó nộp hồ sơ lên cơ quan có thẩm quyền để Hà Trọng T và những người này lừa đảo chiếm đoạt của nhà nước với tổng số tiền là 177.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi bảy triệu đồng*). Hà Trọng T phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng số tiền đã chiếm đoạt là 177.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi bảy triệu đồng*). Trong đó Hà Trọng T đã hưởng lợi từ việc làm giả hồ sơ của mình chiếm đoạt số tiền 27.000.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu đồng*) và số tiền 42.000.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu đồng*), Hà Trọng T đã thu của Dương Văn M, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn N, mỗi người 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*) để chi phí làm hồ sơ; tổng cộng Hà Trọng T hưởng lợi 69.000.000 đồng (*Sáu mươi chín triệu đồng*). Ngoài ra Hà Trọng T đã tự ý làm giả hồ sơ của ông Hà Văn V (anh trai của T đã mất), để bà Trần Thị M (Vợ ông V) nhận số tiền 31.500.000 đồng (*Ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Với hành vi trên bản án sơ thẩm số 23/2018/HSST ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh xét xử bị cáo Hà Trọng T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999; xét xử các bị cáo Trần Nam P, Dương Văn M, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội không oan sai.

[3]. Trong vụ án này Hà Trọng T là người khởi xướng và là người thực hành tích cực việc làm giả hồ sơ, tài liệu để nhằm mục đích lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Hành vi của Hà Trọng T là rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của nhà nước được pháp luật bảo vệ, thể hiện sự coi thường pháp luật; bị cáo Hà Trọng T còn có hành vi làm giả giấy tờ tài liệu của cơ quan tổ chức. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo nhằm mục đích giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Quá trình xét xử cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả; người phạm tội là người có công với cách mạng (Thương binh 3/4, mất sức 47%; Được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến công hạng nhì, hạng ba về hoàn thành nhiệm vụ Quốc tế tại các nước Campuchia và Lào). Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Vì vậy, mức hình phạt 03 (ba) năm tù mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Do đó không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Trong quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo Hà Trọng T nhiều lần xin hoãn phiên toà, nhưng không thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật. Do đó để đảm bảo công tác thi hành án, căn cứ các Điều 109, 113, 119 và 347 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần bắt, tạm giam bị cáo Hà Trọng T để đảm bảo công tác thi hành án.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xét thấy bị cáo Hà Trọng T là thương binh, người có công với cách mạng nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hà Trọng T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 23/2018/HSST ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 2 Nghị Quyết 41 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tuyên bố bị cáo Hà Trọng T, phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Phạt bị cáo Hà Trọng T **24 (hai mươi bốn)** tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 267 điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 2 Nghị Quyết 41; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tuyên bố bị cáo Hà Trọng T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Phạt bị cáo Hà Trọng T **12 (mười hai)** tháng tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Hà Trọng T phải chấp hành hình phạt chung là **36 (ba mươi sáu)** tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bắt tạm giam bị cáo (ngày 03/4/2019).

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Hà Trọng T.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, VKS, CA, THA huyện Cẩm Xuyên;
- Sở tư pháp Hà Tĩnh;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Hà Tĩnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

Hồ Đức Quang